

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 157/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 7 – 2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lệ Hiếu

2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu Ti, sinh năm: 1979

Cư trú tại: Ấp P, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Chị Tiêu Thị T, sinh năm: 1977

Cư trú tại: Ấp P, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tiêu Thị T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Anh và chị T nhiều lần tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Tiêu Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Hữu S (giới tính nam), sinh ngày 14/11/1997 và Nguyễn Thanh Th (giới tính nam), sinh ngày 02/7/2005; cháu S đã trưởng thành có cuộc sống riêng, cháu Th hiện đang sống chung với anh. Anh yêu cầu được nuôi cháu Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hữu T xác định do không có đăng ký kết hôn nên anh yêu cầu Tòa án không nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Tiêu Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Tiêu Thị T trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung. Sau thời gian chung sống đến năm 2018 thì chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Chị và anh T không còn chung sống với nhau từ năm 2018. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hữu S và Nguyễn Thanh Th. Nay Nguyễn Hữu S đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; còn cháu Nguyễn Thanh Th chị đồng ý giao cho T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh T xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên đồng ý ly hôn. Do anh T và chị T không có đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Tiêu Thị T; về con chung giao cháu Nguyễn Thanh T cho anh Thái nuôi dưỡng; về tài sản chung anh T và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung không có không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Anh Nguyễn Hữu T và chị Tiêu Thị T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân. Nay phát sinh tranh chấp và yêu cầu ly hôn nên xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Về nội dung vụ án:

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Hữu T và chị Tiêu Thị T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T và chị T phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị T xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, qua kết quả xác minh có đủ cơ sở kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh T và chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do anh T và chị T không có đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng

xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh T; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị T.

[3]. *Về con chung*: Anh T và chị T có 02 con chung là Nguyễn Hữu S (giới tính nam) sinh ngày 14/11/1997 và cháu Nguyễn Thanh Th (giới tính nam) sinh ngày 02/7/2005. Cháu S đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với cháu Th, từ khi anh T và chị T không còn chung sống với nhau thì cháu T được anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị T đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Thanh T cho anh T nuôi dưỡng. Hơn nữa, cháu T cũng có nguyện vọng sống chung với anh T. Vì vậy, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thanh Th cho anh T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4]. *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Hữu T và chị Tiêu Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. *Về nợ chung*: Anh Nguyễn Hữu T và chị Tiêu Thị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 14, 19, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Tiêu Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Th (giới tính nam), sinh ngày 02/7/2005 cho anh Nguyễn Hữu T nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu chị Tiêu Thị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị Tiêu Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Tiêu Thị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Tiêu Thị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Hữu T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019759 lập ngày 14/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2019).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã VĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thừa